

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2025
V/v ly hôn, quyền nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1985 (CCCD: 074185002439); địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng A, sinh năm 1984 (CCCD: 074084002152); địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh)..

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc X có mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hồng A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Con chung cháu Nguyễn Trung K có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/3/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc X trình bày:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà X và ông A chung sống với nhau từ năm 2004. Hôn nhân giữa bà X và ông A là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 25/11/2004. Lý do xin ly hôn: Hai vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Bà X và ông A đã không còn sống chung từ tháng 01/2025 cho đến nay. Thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai. Nay, bà X làm đơn xin được ly hôn với chồng là ông A.

2. *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Anh K1, sinh năm 2005 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/6/2009. Khi ly hôn, bà X đồng ý giao con chung cháu K cho ông A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung cháu K1 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà X không cung cấp ý kiến gì khác hay tranh chấp gì khác.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà X cung cấp gồm:* Đơn xin ly hôn ngày 03/3/2025 của bà X (bản gốc); CCCD của bà X (bản sao); Trích lục kết hôn (bản gốc); Giấy khai sinh của 02 con chung (bản sao); Bản tự khai ngày 03/3/2025 và ngày 22/3/2025 của bà X (bản gốc).

*** Bị đơn ông Nguyễn Hồng A:**

Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật bằng cách niêm yết công khai để báo cho ông A biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông A vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà X. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông A.

*** Con chung ông Nguyễn Trung K:**

Theo bản tự khai ngày 22/5/2025, cháu K có nguyện vọng được sống cùng với cha là ông A.

*** Kết quả xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương:**

Theo Công văn số 120/CAX (QLHC) ngày 24/6/2025 của Công an xã T thể hiện ông A hiện có đăng ký thường trú tại tổ A, ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) và hiện đang sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:**

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn bà X có mặt; con chung cháu K có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông A và con chung cháu K theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà X khởi kiện ông A về việc tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con chung. Theo Công văn số 120/CAX (QLHC) ngày 24/6/2025 của Công an xã T thể hiện ông A hiện có đăng ký thường trú tại tổ A, ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) và hiện đang sinh sống tại địa chỉ nêu trên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 28, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà X có mặt; bị đơn ông A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; con chung cháu K có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông A và con chung cháu K theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà X:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà X và ông A chung sống với nhau từ năm 2004. Hôn nhân giữa bà X và ông A có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 25/11/2004. Hôn nhân giữa bà X và ông A là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Lý do xin ly hôn: Từ đầu năm 2024 đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân theo bà X xác định là không cùng quan điểm sống. Bà X và ông A đã không còn sống chung từ tháng 01/2025 cho đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu,

chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông A biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông A vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà X đều này cho thấy ông A không có thiện chí đoàn tụ với bà X.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thể nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà X và ông A không đạt được những điều đó và sống ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay nên yêu cầu xin ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Giữa bà X với ông A có 02 con chung tên Nguyễn Anh K1, sinh năm 2005 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/6/2009. Khi ly hôn, bà X đồng ý giao con chung cháu K cho ông A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình tố tụng, con chung cháu K có nguyện vọng được sinh sống cùng với cha là ông A. Ý kiến của bà X và con chung cháu K là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Riêng con chung cháu K1 đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà X không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà X phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung” của bà Nguyễn Thị Ngọc X đối với ông Nguyễn Hồng A.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ngọc X được ly hôn với ông Nguyễn Hồng A.

1.2. *Về con chung*: Ông Nguyễn Hồng A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/6/2009. Bà Nguyễn Thị Ngọc X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung Nguyễn Anh K1 đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc X không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. *Án phí sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Ngọc X phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002014 ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 15/9/2025).

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV18-TP.HCM;
- Phòng THA DS KV18-TP.HCM;
- UBND xã Thanh An, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng